

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**  
**KHOA TÂM LÝ GIÁO DỤC**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

*Thanh Hóa, năm 2020*

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

## Chuyên ngành: Quản lý giáo dục

(Ban hành kèm theo quyết định số 886/QĐ-ĐHHD ngày 06/7/2020  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

### PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

**- Tên chuyên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Quản lý giáo dục

+ Tiếng Anh: Educational management

**- Mã số chuyên ngành đào tạo:** 8.14.01.14

**- Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Quản lý giáo dục

+ Tiếng Anh: Educational management

**- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:**

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ Quản lý giáo dục.

+ Tiếng Anh: Master Educational management

**- Khoa đào tạo: Tâm lý - Giáo dục**

#### 2. Mục tiêu đào tạo

##### 2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, giảng viên và chuyên viên có trình độ tri thức sâu rộng về khoa học quản lý, có năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu công tác ở các cơ sở giáo dục, đào tạo, tổ chức giáo dục, có năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục, phát hiện và giải quyết có hiệu quả các vấn đề của thực tiễn giáo dục.

##### 2.2. Mục tiêu cụ thể

###### 2.2.1. Về kiến thức

Học viên làm chủ kiến thức chuyên ngành quản lý giáo dục, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý; có tư duy phản biện; có kiến thức lý luận chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ quản lý giáo dục; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực quản lý giáo dục và đào tạo.

### *2.2.2. Về kỹ năng*

Học viên có kỹ năng cơ bản của một người cán bộ quản lý giáo dục, vận dụng được những kiến thức về khoa học giáo dục, khoa học quản lý và quản lý giáo dục để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực quản lý giáo dục và đào tạo nhằm thích ứng với sự đổi mới, phát triển của giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập.

Đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam trở lên

### *2.2.3. Về thái độ*

Học viên xác định được giá trị nghề nghiệp đúng đắn và ý thức được vị trí, vai trò của bản thân trong sự nghiệp giáo dục cũng như sự phát triển của xã hội Việt Nam hiện tại và tương lai; chủ động, tích cực, linh hoạt và sáng tạo trong công tác chuyên môn của bản thân và có ý thức, trách nhiệm nghề nghiệp và nguyên tắc đạo đức của người làm công tác quản lý giáo dục.

## **3. Thông tin tuyển sinh**

### ***3.1. Hình thức tuyển sinh***

#### ***3.1.1. Thi tuyển***

#### ***Môn thi tuyển sinh***

- Môn chủ chốt: Đại cương về quản lý giáo dục
- Môn không chủ chốt: Giáo dục học
- Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

#### ***3.1.2. Xét tuyển***

Áp dụng cho các đối tượng dự tuyển là người nước ngoài và được quy định cụ thể trong Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.

### ***3.2. Đối tượng dự tuyển:*** Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện:

- Có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành Quản lý giáo dục.
- Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm và bằng tốt nghiệp đại học các ngành khác nhưng làm quản lý trong các cơ sở giáo dục, các cơ quan hành chính sự nghiệp có liên quan đến giáo dục - đào tạo. Những trường hợp này đã học bổ sung kiến thức các môn học để có trình độ tương đương với hệ đại học quản lý giáo dục.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên đúng ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Đối với những trường hợp

còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm quản lý trong các cơ sở giáo dục - đào tạo, các trung tâm giáo dục, trung tâm dạy nghề hay các sở, phòng giáo dục, các cơ quan hành chính sự nghiệp có liên quan đến giáo dục - đào tạo.... cho đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

### **3.2. Danh mục ngành gần và khối lượng kiến thức bổ sung**

3.3.1. *Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức gồm:* Những người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành Quản lý giáo dục.

3.3.2. *Thí sinh phải học bổ sung kiến thức gồm:*

- **Nhóm 1:** Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm phải học bổ sung kiến thức 3 học phần (6 tín chỉ) bao gồm:

<b>TT</b>	<b>Tên chuyên đề</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Đại cương về quản lý giáo dục	2
2	Tổ chức khoa học lao động của người cán bộ quản lý	2
3	Xã hội học giáo dục	2

- **Nhóm 2:** Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học khác phải học bổ sung 6 học phần (14 tín chỉ) bao gồm:

<b>TT</b>	<b>Tên chuyên đề</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Giáo dục học	3
2	Tâm lý học	3
3	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục	2
4	Đại cương về quản lý giáo dục	2
5	Xã hội học giáo dục	2
6	Tổ chức khoa học lao động của người cán bộ quản lý	2

## **PHẦN II : CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, người học có khả năng :*

### **1. Kiến thức và năng lực chuyên môn**

#### **1.1. Kiến thức chung**

- Có kiến thức cơ bản của Triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan khoa học, phương pháp luận biện chứng, thể

hiện trong tầm nhìn, cách tiếp cận và giải quyết các vấn đề của thực tiễn giáo dục quản lý giáo dục.

- Đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc 4 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### **1.2. Kiến thức cơ sở**

- Có kiến thức về khoa học tổ chức, văn hoá tổ chức; kiến thức cơ bản về lãnh đạo, tiếp cận hiện đại trong quản lý; đánh giá, kiểm định; lý luận về dạy học hiện đại trong nhà trường...

- Có kiến thức cơ bản trong tâm lý học quản lý từ đó là cơ sở cho việc phát triển kỹ năng ra các quyết định liên quan tới tổ chức và quản lý.

- Có kiến thức về phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục để vận dụng trong quá trình học tập và nghiên cứu về quản lý giáo dục.

- Hiểu biết về bối cảnh giáo dục thế giới và Việt Nam để nhận định những thời cơ và thách thức đối với giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

### **1.3. Kiến thức chuyên ngành**

- Phân tích, tổ chức và xây dựng được chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục; Có kiến thức về các cách thức tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục; có kiến thức quản lý quá trình dạy học và giáo dục cũng như đánh giá quá trình dạy học và giáo dục trong nhà trường theo tiếp cận năng lực; quản lý chất lượng giáo dục và đánh giá trong giáo dục, quản lý nguồn lực trong giáo dục, quản lý sự thay đổi giáo dục trong môi trường hội nhập và cạnh tranh cao; hiểu biết về công tác thanh tra, kiểm tra trong giáo dục và phát triển chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ...

- Học viên làm chủ kiến thức chuyên ngành quản lý giáo dục, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ quản lý giáo dục.

### **1.4. Năng lực ngoại ngữ**

- Đạt trình độ tiếng Anh tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

### **1.5. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

Học viên có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý giáo dục và đề xuất những sáng kiến có giá trị thực tiễn; có khả năng tự định

hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn quản lý giáo dục; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch quản lý giáo dục; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn quản lý giáo dục; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc quản lý; có khả năng sử dụng khoa học quản lý để xử lý những vấn đề lớn về quản lý giáo dục và đào tạo.

### **1.6. Yêu cầu đối với luận văn thạc sĩ**

- Nội dung và kết quả nghiên cứu của luận văn có những điểm mới, có tính khả thi để có thể áp dụng được trong nghiên cứu, trong thực tiễn đời sống xã hội

- Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

- Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực quản lý giáo dục, phương pháp giải quyết vấn đề đặt ra.

## **2. Kỹ năng**

### **2.1. Kỹ năng chuyên môn**

- Có kỹ năng phân tích, tổ chức thực hiện và xây dựng được chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục;

- Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý giáo dục;

- Có kỹ năng phát triển chương trình nhà trường và quản lý hoạt động này;

- Có kỹ năng quản lý quá trình dạy học và đánh giá theo tiếp cận năng lực;

- Có kỹ năng quản lý nhân sự theo vị trí việc làm, theo chuẩn trong một cơ sở giáo dục được tự chủ về tổ chức;

- Có kỹ năng quản lý nhà trường theo tiếp cận hiện đại và bộ chuẩn chất lượng;

- Có kỹ năng quản trị tài chính trong một cơ sở giáo dục được tự chủ về tài chính;

- Có kỹ năng xây dựng môi trường văn hoá trong giáo dục;

- Có kỹ năng ứng dụng được công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong quản lý nhà trường...

### **2.2. Các kỹ năng bổ trợ**

- Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan

đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ;

- Có kỹ năng làm việc và giao tiếp hiệu quả với các thành viên trong hoạt động nhóm;
- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, truyền thông (ICT) và các phần mềm khác;

- Có kỹ năng lắng nghe, đàm phán, thuyết phục;

- Có kỹ năng thích ứng với những thay đổi;

- Có kỹ năng làm chủ được cảm xúc của bản thân, biết thuyết phục và chia sẻ;

- Có kỹ năng tự đánh giá được điểm mạnh và điểm yếu trên cơ sở đối chiếu các yêu cầu của nghề nghiệp và yêu cầu thực tiễn với phẩm chất, năng lực của bản thân;

- Có kỹ năng dự đoán sự phát triển của giáo dục dựa trên phân tích về nhu cầu xã hội, kinh tế chính trị...

### **3. Phẩm chất đạo đức**

#### ***3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân***

- Có ý thức đạo đức tốt, chấp hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nghiêm túc, say mê, tận tụy với công việc, đúng mực trong quan hệ với đồng nghiệp, HS và xã hội.

#### ***3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp***

- Có tác phong làm việc khoa học, tính chuyên nghiệp trong giải quyết vấn đề về quản lý giáo dục và nghiên cứu khoa học. Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tâm huyết với nghề, có tác phong làm việc khoa học, có uy tín và luôn vận dụng tốt các kiến thức lý luận trong thực tiễn quản lý giáo dục.

#### ***3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội***

- Có tinh thần hợp tác, chia sẻ trong các hoạt động tập thể và cộng đồng; có ý thức xã hội, sẵn sàng tham gia các hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng; minh bạch và công bằng trong các mối quan hệ; ứng xử tốt, thân thiện, cộng tác với đồng nghiệp theo những tiêu chuẩn về phẩm chất, đạo đức và nhân cách của người làm trong ngành giáo dục.

### **4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Thạc sĩ Quản lý giáo dục tốt nghiệp tại trường Đại học Hồng Đức có thể đảm nhận các công việc như sau:

- Đảm nhiệm các vị trí quản lý trong các trường phổ thông, trung tâm GDTX - GDNN; các Sở giáo dục và đào tạo; phòng GD-ĐT; Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn của các trường THPT, THCS, tiểu học, mầm non (hoặc tương đương); Cán bộ quản lý của các trung tâm giáo dục; Cán bộ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý...

### 5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục học viên có đủ điều kiện và khả năng để tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục; Giáo dục học chuyên ngành (sau khi đã học chuyển đổi các chuyên đề theo Quy định của Bộ GD&ĐT về đào tạo trình độ tiến sĩ).

## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	<b>60 tín chỉ</b>
Khối kiến thức chung	10 Tín chỉ
Khối kiến thức cơ sở	14 tín chỉ
+ Bắt buộc	6 Tín chỉ
+ Tự chọn	10 Tín chỉ
Khối kiến thức chuyên ngành	21 tín chỉ
+ Bắt buộc	11 tín chỉ
+ Tự chọn	10 tín chỉ
Luận văn thạc sĩ	15 tín chỉ

### 2. Khung chương trình

	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ			Học kì	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Tự học		
<b>A</b>		<b>Kiến thức chung</b>	<b>10</b>					
1	8THXH1	Triết học	4	36	48	180	1	Nguyên lý



2	8TA001 8TA002	Tiếng Anh 1,2	6	54	72	270	1,2	Ngoại ngữ không chuyên
<b>B</b>		<b>Phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>						
<b>I</b>		<b>Kiến thức cơ sở</b>	<b>14</b>	<b>144</b>	<b>192</b>	<b>720</b>		
		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<b>10</b>	<b>90</b>	<b>120</b>	<b>450</b>		
3	1QG104	Tâm lý học quản lý lãnh đạo	2	18	24	90	1	BM. TLH
4	1QG105	Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập Quốc tế	2	18	24	90	1	BM. GDH
5	1QG106	Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	2	18	24	90	1	BM. GDH
6	1QG107	Khoa học tổ chức và quản lý	2	18	24	90	2	BM. GDH
7	1QG108	Kinh tế học giáo dục	2	18	24	90	2	BM. GDH
		<i>Các học phần lựa chọn: Chọn 2/5</i>	<b>4</b>	<b>54</b>	<b>72</b>	<b>270</b>		
8	1QG109	Giao tiếp trong quản lý giáo dục	2	18	24	90	2	BM. TLH
9	1QG110	Quan hệ công tư trong quản lý giáo dục	2	18	24	90	2	BM. GDH
10	1QG111	Hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục	2	18	24	90	2	BM. GDH

11	1QG112	Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục	2	18	24	90	2	BM. TLH
12	1QG113	Lý luận dạy học hiện đại	2	18	24	90	2	BM. GDH
<b>II</b>		<b>Kiến thức chuyên ngành</b>						
		<i>Các học phần bắt buộc</i>	<b>11</b>	<b>90</b>	<b>120</b>	<b>450</b>		
13	1QG214	Lãnh đạo và quản lý nhà trường	2	18	24	90	2	BM. GDH
14	1QG215	Chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục	2	18	24	90	2	BM. GDH
15	1QG216	Quản lý nguồn lực trong giáo dục	2	18	24	90	2	BM. GDH
16	1QG217	Đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.	2	18	24	90	3	BM. GDH
17	1QG218	Tiếp cận hiện đại trong QLGD	2	18	24	90	3	BM. GDH
		<i>Các học phần lựa chọn: Chọn 5/11 HP sau</i>	<b>10</b>	<b>108</b>	<b>144</b>	<b>540</b>		
18	1QG219	Quản lý cơ sở quản lý vật chất – thiết bị GD và tài chính trong giáo dục.	2	18	24	90	3	BM. GDH
19	1QG220	Môi trường giáo dục và phát triển môi trường giáo dục.	2	18	24	90	3	BM. GDH

20	1QG221	Tiếp cận tình huống trong quản lý giáo dục	2	18	24	90	3	BM. GDH
21	1QG222	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	2	18	24	90	3	BM. GDH
22	1QG223	Xây dựng, phát triển và quản lý chương trình	2	18	24	90	3	BM. GDH
23	1QG224	Dự báo giáo dục	2	18	24	90	3	BM. GDH
24	1QG225	Quản trị hiệu quả trường học	2	18	24	90	3	BM. GDH
25	1QG226	Xây dựng văn hoá nhà trường	2	18	24	90	3	BM. GDH
26	1QG227	Thanh tra, kiểm tra trong quản lý giáo dục	2	18	24	90	3	BM. GDH
27	1QG228	Thống kê trong giáo dục	2	18	24	90	3	BM. GDH
28	1QG229	Quản lý dự án phát triển giáo dục.	2	18	24	90	3	BM. GDH
29		<b>Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>15</b>				4	
		<b>Tổng</b>	<b>60</b>					

#### **4. Mô tả tóm tắt học phần**

##### **4.1. Học phần: Triết học Mác - Lênin /philosophy of maxism): 4TC (36; 48; 0)**

##### **4.1.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Triết học dùng để đào tạo trình độ thạc sỹ trình bày một cách có hệ thống quan điểm của các triết gia, của các trường phái triết học tiêu biểu trong lịch sử triết học về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; về vật chất, ý thức, về bản chất của thế giới, về phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất; về phép biện chứng; về lý luận nhận

thức; về sự ra đời, tồn tại, phát triển các hình thái kinh tế - xã hội; về giai cấp, nhà nước, hệ thống chính trị, cách mạng xã hội; về ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

#### ***4.1.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được***

Sau khi học xong học phần, học viên phải nắm được một cách có hệ thống và chính xác lý luận triết học nâng cao về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự ra đời, phát triển và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; bản chất của thế giới, phương thức tồn tại, vận động, phát triển của thế giới vật chất. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; về phép biện chứng, về bản chất và con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, về thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức; về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; về nguồn gốc, bản chất giai cấp, đấu tranh giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội; về ý thức xã hội, con người và hiện tượng tha hóa ở con người.

#### ***4.1.3. Năng lực cần đạt được***

Học viên hiểu, trình bày, tái hiện lại được một cách chính xác kiến thức triết học được học trong chương trình. Hiểu được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Hình thành được năng lực phân tích, đánh giá đúng đắn các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy. Biết vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn của bản thân một cách hiệu quả. Hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Biết nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của Triết học trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

#### ***4.1.4. Hình thức và phương pháp dạy học***

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 36 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 48 tiết

+ Tự học: 180 tiết.

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.1.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXX và NV không chuyên ngành Triết học) , Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Bộ giáo dục và đào tạo (2016), *Giáo trình Triết học* (dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHTN, CN) ,Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội

3. Vũ Ngọc Pha, *Lịch sử triết học*, NXB GD, 1997

#### **4.1.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

### **4.2. Học phần Tiếng anh 1 (English 1): 3TC (27; 36; 0)**

#### **4.2.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Tiếng Anh 1 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 1 đến Unit 6 trong giáo trình *Target PET*.

Ngữ âm: Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp.

Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gắn gũi với cuộc sống hàng ngày.

Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B1. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

#### **4.2.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

##### **\* Ngữ âm**

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

##### **\* Ngữ pháp**

Kết thúc chương trình, học viên có thể:

Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong trong bộ sách “Target PET” (Sue Ireland and Joanna Kosta)

**\* Từ vựng**

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 06 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B1.

**4.2.3. Năng lực cần đạt được**

**\* Về mặt từ vựng, ngữ pháp:**

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết.

**\* Về kỹ năng Nghe**

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe theo format đề B1 (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu,...)

**\* Về kỹ năng Nói & Phát âm**

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân.

**\* Về kỹ năng Đọc**

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu,...)

**\* Về kỹ năng Viết**

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

1. Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.
2. Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

**4.2.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học
  - + Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết
  - + Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết
  - + Tự học: 135 tiết
  - Phương pháp dạy học: Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh
- Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

#### **4.2.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\* Giáo trình chính**

1. Sure Ireland, Joanna Kosta, *Target PET*, NXB Richmond Publishing.
2. Nguyễn Thị Quyết (2018). *Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ A*. NXB Thanh Hóa
3. Jan Bell and Amada Thomas, *Gold First*, NXB Pearsons, 2005

##### **\*Tài liệu tham khảo**

4. Raymond Murphy, *English grammar in use*, Fahasa, 2017
5. Cambridge University Press, *Cambridge PET*, 2004

#### **4.2.6. Hình thức thi hết học phần**

Hình thức thi: Làm bài thi viết trên giấy

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

### **4.3. Học phần Tiếng anh 2 (English 2): 3TC (27; 36; 0)**

#### **4.3.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Tiếng Anh 2 gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề từ Unit 07 đến Unit 12 trong giáo trình *Target PET*.

**Ngữ âm:** Luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA để áp dụng vào phát triển kỹ năng Nói. Người học nắm vững các ký hiệu phiên âm để phát âm đúng các từ và nói các câu hoàn chỉnh.

**Ngữ pháp:** Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp.

**Từ vựng:** Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.

Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết luyện theo các dạng bài thi theo format đề thi B1. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình *Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.*

#### **4.3.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

##### **\* Ngữ âm**

Kết thúc học phần, học viên có thể nắm vững các kiến thức cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh và phát âm đúng và nói đúng các từ và câu tiếng Anh.

##### **\* Ngữ pháp**

Kết thúc chương trình, học viên có thể:

Nắm vững vốn kiến thức cấu trúc ngữ pháp cơ bản từ Unit 1 đến Unit 6 trong trong bộ sách “Target PET” (Sue Ireland and Joanna Kosta)

##### **\* Từ vựng**

Kết thúc học phần, học viên có thể: Sử dụng lượng từ vựng theo 11 chủ đề đủ để giao tiếp trong các tình huống từ theo cấu trúc bài thi Nói theo bậc B1.

#### **4.3.3. Năng lực cần đạt được**

##### **\* Về mặt từ vựng, ngữ pháp:**

Nắm được lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề cũng như các hiện tượng ngữ pháp trong chương trình học

Sử dụng linh hoạt được lượng từ vựng và ngữ pháp này trong giao tiếp Nghe, Nói, Đọc, Viết

##### **\* Về kỹ năng Nghe**

Nghe hiểu được thông tin cơ bản trong các bài nghe thuộc trình độ.

Nắm được 1 số kỹ năng làm bài nghe (nghe 1 người nói, nghe hội thoại, nghe chọn đáp án đúng, nghe điền thông tin còn thiếu,...)

##### **\* Về kỹ năng Nói & Phát âm**

Nhận diện và phát âm chuẩn hầu hết tất cả các âm trong Tiếng Anh.

Diễn đạt nói tương đối trôi chảy trong các chủ đề thuộc chương trình học; sử dụng và phát âm chuẩn hầu hết các từ vựng trong chương trình; vận dụng được ngữ pháp vào việc diễn đạt câu.

Biết diễn đạt rõ ý, giải thích lý do, và đưa ra quan điểm cá nhân



### **\* Về kỹ năng Đọc**

Đọc hiểu được nội dung các bài đọc thuộc chủ đề và trình độ tương ứng.

Thành thạo các dạng bài đọc khác nhau (tìm đáp án đúng, điền thông tin còn thiếu,...)

### **\* Về kỹ năng Viết**

Sử dụng được lượng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp trong chương trình vào việc viết bài:

1. Viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.
2. Viết 1 đoạn văn (paragraph) theo chủ đề cho trước.

#### **4.3.4. Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: 27 tiết

+ Thực hành tại lớp: 36 tiết

+ Tự học: 135 tiết

Kết hợp giảng lý thuyết với việc thực hành và phát triển kỹ năng của học viên theo các nhiệm vụ giao tiếp bằng Tiếng Anh

Hướng dẫn các hoạt động học cá nhân, học nhóm, khuyến khích sự sáng tạo...

#### **4.3.5. Danh mục giáo trình và tài liệu tham khảo**

##### **\* Giáo trình chính**

1. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET. Richmond Publishing*. (Ký hiệu HLBB1)

2. Nguyễn Thị Quyét. 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

3. Clive Oxenden, Chritina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File- Preintremediate 3rd edition*. Oxford University Press (Ký hiệu HLBB3)

##### **\* Tài liệu tham khảo**

1. Raymond Murphy, *English grammar in use*, Fahasa, 2017

2. *Cambridge PET*. (2004). Cambridge University Press

#### **4.3.6. Hình thức thi hết học phần**

Hình thức thi: làm bài thi viết trên giấy

Đánh giá 2 kỹ năng: Đọc, Viết

#### **4.4. Học phần: Tâm lý học quản lý lãnh đạo/ Psychology of Management: 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.4.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của Tâm lý học quản lý-lãnh đạo; Nhân cách người quản lý-lãnh đạo, Quyền lực của người lãnh đạo, Ê kíp lãnh đạo; Những đặc điểm tâm lý cơ bản của người lao động; Những đặc điểm tâm lý cơ bản của tổ chức.

##### **4.4.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phân tích được những tri thức tâm lý học về hoạt động quản lý lãnh đạo: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu; Làm chủ kiến thức về nhân cách, phong cách, uy tín, quyền lực của người lãnh đạo, ê kíp lãnh đạo, những đặc điểm tâm lý của quá trình ra quyết định quản lý; xác định được các đặc điểm tâm lý, quy luật tâm lý cơ bản của người lao động và của tổ chức.

##### **4.4.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên có khả năng vận dụng các quy luật tâm lý trong quản lý, lãnh đạo; Hình thành được cho bản thân những phẩm chất, năng lực cần thiết của nhà quản lý, lãnh đạo; Nhận diện được đặc điểm tâm lý cơ bản của người lao động cũng như của tổ chức để có chiến lược quản lý phù hợp. Đồng thời là có điều kiện lĩnh hội tốt hơn các môn liên quan trong chuyên ngành đào tạo như Quản lý nhà nước và giáo dục, Quản lý, lãnh đạo trường học, Quản lý phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục.

##### **4.4.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

##### **4.4.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

###### **\* Giáo trình chính**

1. Vũ Dũng (2007), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, NXB Đại học Sư Phạm

**\* Tài liệu tham khảo**

2. Trần Minh Hằng (2011), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, NXB lao động xã hội
3. Võ Thành Khối (2005), *Tâm lý học lãnh đạo quản lý*, Nxb chính trị Quốc gia Hà Nội

**4.4.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.5. Học phần: Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế/ Vietnamese Education during the international integration: 2TC (18; 24; 0)**

**4.5.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần chỉ rõ thực trạng giáo dục Việt Nam, bối cảnh trong nước và quốc tế trong thời kỳ hội nhập quốc tế, nêu rõ các quan điểm định hướng phát triển giáo dục của Đảng ở đầu thế kỷ XXI, những cơ hội và thách thức của giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, từ đó nêu lên chiến lược giáo dục Việt Nam trong thời kỳ mới. Vấn đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.

**4.5.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên nắm được thực trạng giáo dục Việt Nam; Cơ hội và thách thức của giáo dục và quản lý giáo dục khi Việt Nam hội nhập quốc tế; Các quan điểm chỉ đạo, phát triển giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Học viên hiểu rõ nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế để định hướng cho họ có tư duy và hành động đúng đắn.

**4.5.3. Năng lực cần đạt được**

Có khả năng vận dụng quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước để giải quyết các nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế để định hướng cho học viên tư duy và hành động đúng đắn. Vận dụng những tri thức đã học vào việc xây dựng mục tiêu, chiến lược phát triển đơn vị, nhà trường trong thời kỳ mới.

**4.5.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần sử dụng phương pháp dạy học thuyết trình, các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.5.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, NXB Văn hoá – Thông tin.

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Thanh Bình (2008), *Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Đại học Sư phạm.

3. BCHTW Đảng, *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo*, NXB TV Pháp luật.

4. Nguyễn Mạnh Hùng (2016), *Quản lý giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển*, Nxb Giáo dục Việt Nam

5. Phan Thanh Long (2017), *Giáo dục đa văn hóa cho sinh viên các trường đại học phục vụ quá trình hội nhập và toàn cầu hóa*, Nxb Giáo dục Việt Nam

#### **4.5.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.6. Học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục/ Scientific resesearch method of education management. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.6.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho học viên những tri thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục bao gồm: Những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, Cách lựa chọn đề tài và kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học quản lý GD; Các phương pháp thu thập thông tin lý thuyết và thực tiễn trong quản lý GD và những kỹ thuật viết và đánh giá 1 công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục. Vận dụng những kiến thức đã học nhằm phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học và quản lý hiệu quả các hoạt động trong các nhà trường.

##### **4.6.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên có những hiểu biết về lý luận nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; các vấn đề cần nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học quản lý giáo dục; Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục; cấu trúc công trình nghiên cứu khoa học quản

lý giáo dục; cách viết, cách thực hiện và bảo vệ một đề tài nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục...

#### **4.6.3. Năng lực cần đạt được**

Hình thành cho học viên một số năng lực và phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục như: Xác định vấn đề nghiên cứu; phạm vi nghiên cứu; đối tượng nghiên cứu...có khả năng lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp với vấn đề đã chọn; Có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp quản lý mới, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục.

#### **4.6.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.6.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\* Giáo trình chính**

1. Vũ Cao Đàm (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự, *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB KHKT, 2010

3. Phạm Viết Vượng (1995), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Bộ GD&ĐT, Hà Nội

#### **4.6.6. Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.7. Học phần: Khoa học tổ chức và quản lý/ Overview of organizational science.**  
2TC (18; 24; 0)

##### **4.7.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đề cập đến nội dung cơ bản sau đây: Cung cấp các khái niệm cơ bản về tổ chức, đặc điểm và các kiểu cơ cấu tổ chức, phương pháp hình thành tổ chức. Những

vấn đề cơ bản về quản lý tổ chức, xây dựng văn hoá tổ chức và quản lý sự thay đổi của tổ chức và giải quyết các vấn đề trong tổ chức theo quan điểm của khoa học quản lý hiện đại.

#### **4.7.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Phân tích được các đặc điểm của tổ chức, các kiểu cơ cấu tổ chức và quản lý tổ chức; các lợi ích và mâu thuẫn trong tổ chức; mô tả được quy trình các bước xây dựng văn hoá tổ chức, quản lý sự thay đổi của tổ chức và giải quyết mâu thuẫn trong theo quan điểm của khoa học quản lý hiện đại

#### **4.6.3. Năng lực cần đạt được**

Có khả năng thiết kế được một tổ chức dựa trên cơ sở các phương pháp hình thành tổ chức được nghiên cứu. Có khả năng xây dựng uy tín lãnh đạo, văn hoá tổ chức và quản lý sự thay đổi của tổ chức. Hình thành năng lực và thói quen ứng xử theo văn hoá tổ chức đơn vị hoạt động của bản thân.

#### **4.7.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.7.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Trần Kiểm (2012), *Khoa học tổ chức và tổ chức giáo dục*, NXB ĐHQG, Hà Nội

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Bá Dương (2003), *Khoa học về tổ chức*, Học viện hành chính quốc gia Việt Nam

3. Nguyễn Văn Bình, *Khoa học tổ chức và quản lý – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Thống kê Hà Nội, 1999

4. Nguyễn Văn Thâm (2002), *Giáo trình kỹ thuật tổ chức công sở*, Nxb ĐHQG,

5. Trung tâm nghiên cứu khoa học tổ chức (1999), *quản lý, Khoa học tổ chức và quản lý một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Thống kê, Hà Nội

#### **4.7.6. Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

### **4.7. Học phần: Kinh tế học giáo dục/ Educational economics 2TC (18; 24; 0)**

#### **4.8.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Giới thiệu những vấn đề lý luận chung nhất về kinh tế giáo dục: Khái niệm kinh tế giáo dục, đối tượng, phương pháp nghiên cứu; Các học thuyết và phương pháp tiếp cận các trường phái lý thuyết kinh tế giáo dục. Cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về kinh tế học giáo dục như: Quan hệ giữa kinh tế và giáo dục; Kinh tế đầu tư trong giáo dục; Hiệu quả kinh tế giáo dục; Tiếp cận các phương pháp đo lường, đánh giá, phân tích hiệu quả, hiệu suất và dự báo kinh tế – giáo dục.

#### **4.7.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Các học thuyết và phương pháp tiếp cận các trường phái lý thuyết kinh tế giáo dục. Cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về kinh tế học giáo dục như: Quan hệ giữa kinh tế và giáo dục; Kinh tế đầu tư trong giáo dục; Hiệu quả kinh tế giáo dục; Tiếp cận các phương pháp đo lường, đánh giá, phân tích hiệu quả, hiệu suất và dự báo kinh tế – giáo dục.

#### **4.8.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên có khả năng vận dụng các học thuyết, các trường phái lý thuyết kinh tế giáo dục vào thực tiễn; Khả năng thiết lập các quan hệ giữa kinh tế và giáo dục; Khả năng đầu tư trong giáo dục có hiệu quả; Khả năng vận dụng các phương pháp đo lường, đánh giá, phân tích hiệu quả, hiệu suất và dự báo kinh tế – giáo dục.

#### **4.8.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.8.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\* Giáo trình chính**

1. Trương Thị Thúy Hằng, *Kinh tế học giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, 2011

**\* Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Thị Thanh Thủy, *Pháp luật kinh tế*, NXB GD, 2013
3. Bùi Chí Bình, *Kinh tế học giáo dục cách tiếp cận và các vấn đề phức tạp*, NXB ĐH KHXH & NV, TP HCM, 2014

**4.8.6. Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.9. Học phần: Giao tiếp trong quản lý giáo dục/Communication in educational Management: 2TC (18; 24; 0)**

**4.9.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Một số vấn đề về khoa học giao tiếp: Khái quát chung về giao tiếp Các phương tiện giao tiếp, Các phương tiện giao tiếp, Kỹ năng giao tiếp; Giao tiếp trong công tác quản lý lãnh đạo; Nguyên tắc và phong cách giao tiếp trong quản lý; Thực hành rèn các kỹ năng giao tiếp trình quản lý.

**4.9.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phải trình bày được những tri thức cơ bản về giao tiếp, chức năng giao tiếp, phương tiện giao tiếp và vai trò của giao tiếp đối với cuộc sống và đối với công tác quản lý nhà trường; Làm chủ kiến thức về kỹ năng giao tiếp, các nguyên tắc, phong cách giao tiếp, điều kiện giao tiếp trong quản lý nhà trường... Phân tích được các nguyên tắc và phong cách giao tiếp trong quản lý.

**4.9.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên hình thành năng lực vận dụng được những kiến thức vào giải quyết các tình huống giao tiếp nảy sinh trong quá trình quản lý nhà trường một cách hợp lý và hình thành thái độ tích cực đối với quá trình nghiên cứu và rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong quá trình quản lý, lãnh đạo.

**4.9.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm, thực hành tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.



#### **4.9.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\* Giáo trình chính**

1. Huỳnh Văn Sơn (2012), *Giáo trình Tâm lý học giao tiếp*, NXB ĐHSP TPHCM

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Văn Đồng (2015), *Tâm lý học giao tiếp*, NXB ĐHSP Hà Nội.

3. Lưu Xuân Mới (2015), *Thuật ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục và đào tạo*, NXB giáo dục.

#### **4.9.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.10. Học phần: Quan hệ công tư trong quản lý giáo dục /Public- private relations in education management. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.10.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: các kiến thức cơ bản về hợp tác giữa hai lĩnh vực nhà nước và tư nhân như các mối quan hệ bình đẳng, cùng chia sẻ trách nhiệm, chi phí, lợi ích và rủi ro. Các kiến thức pháp luật về sự kiểm soát của cơ quan Nhà nước đối với lĩnh vực tư nhân hóa giáo dục. Các mô hình hợp tác các trường học công-tư trong giáo dục ở một số nước trong khu vực và ở Việt Nam.

##### **4.10.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lý luận về hợp tác giữa hai lĩnh vực nhà nước và tư nhân trong giáo dục. Các kiến thức về sự kiểm soát của cơ quan Nhà nước đối với lĩnh vực tư nhân hóa giáo dục. Các mô hình hợp tác các trường học công- tư trong giáo dục ở một số nước trong khu vực và ở Việt Nam.

##### **4.10.3. Năng lực cần đạt được**

Học xong học phần này học viên có khả năng thiết lập hợp tác thoả thuận về 2 lĩnh vực công tư dựa trên mối quan hệ bình đẳng, cùng chia sẻ trách nhiệm, chi phí, lợi ích và rủi ro.

##### **4.10.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.10.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Vũ Ngọc Hải(2004), Xu thế phát triển giáo dục thế giới, Nxb Giáo dục Nguyễn Thanh Bình, *Giáo dục Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Đại học Sư phạm, 2008.

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Phạm Minh Hạc (2002), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội

3. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21*, NXB giáo dục Việt Nam

#### **4.10.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.11. Học phần: Hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục/ Information system in education management. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.11.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Tổng quan về thông tin và hệ thống thông tin trong quản lý nhà trường; Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin; Ứng dụng tiện ích của EMIS vào quản lý nhà trường; Hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin; Các hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục

##### **4.11.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên biết phân tích, thiết kế được hệ thống thông tin, quản lý hệ thống thông tin, bảo mật thông tin trong quản lý giáo dục, ứng dụng thông tin tiện ích của EMIS vào quản lý nhà trường; đánh giá được hiệu quả kinh tế của hệ thống thông tin; các hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục

##### **4.11.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên có khả năng vận dụng các kiến thức về thông tin quản lý giáo dục vào việc thiết kế và điều hành các hệ thống thông tin quản lý trong nhà trường như các hệ thống thông tin quản lý hành chính, quản lý đào tạo, quản lý nhân sự, quản lý người

học, quản lý tài chính, khoa học... vận dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà trường

#### **4.11.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.11.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. SREM, *Công nghệ thông tin trong trường học*, 2010

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, NXB Văn hoá – Thông tin.

3. *Điều hành các hoạt động trong trường học: TL dùng cho cán bộ quản lý trường PT*, 2010

#### **4.11.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.12. Học phần: Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý giáo dục/ Psychology applied in the organization and management of education. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.12.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Hành vi cá nhân trong tổ chức (Sự khác biệt cá nhân trong tổ chức, Động cơ và động viên, Nâng cao hiệu quả công tác trên cơ sở thông tin phản hồi và khen thưởng); Nhóm và những vấn đề tâm lý nhóm, Các quá trình hoạt động tâm lý của nhóm, Thực hành ứng dụng tâm lý học trong tổ chức và quản lý giáo dục

##### **4.12.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học xong học viên có kiến thức về: Hoạt động nhận thức, Đời sống tình cảm, Ý chí và hành động ý chí, Nhân cách cá nhân trong tổ chức; Các vấn đề về động cơ và

động viên và biện pháp nâng cao hiệu quả công tác trong tổ chức. Phân tích được các vấn đề liên quan đến tâm lý nhóm và các quá trình hoạt động tâm lý của nhóm như giao tiếp truyền thông trong tổ chức, những vấn đề tâm lý lãnh đạo và quản lý sự căng thẳng.

#### **4.12.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên có khả năng vận dụng những tri thức đã học để giải thích các sự kiện, hiện tượng thuộc lĩnh vực quản lý, tổ chức, làm cơ sở tâm lý học cho việc đề xuất, quyết định và thực hiện những tác động đúng đắn tới khách thể quản lý trong các quá trình quản lý giáo dục.

#### **4.12.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.12.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\* Giáo trình chính**

1. Nguyễn Bá Dương, *Tâm lý học quản lý*, Từ Điển bách khoa, 2012

##### **\* Tài liệu tham khảo**

2. Vũ Dũng (2015), *Giáo trình tâm lý học quản lý*, Nxb Đại học sư phạm.

3. Lê Văn Hào (2012), *Hành vi tổ chức trong một thế giới đang thay đổi*, NXB DH Quốc Gia Hà Nội

4. Lưu Xuân Mới (2008), *Thuật ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục và đào tạo*, NXB giáo dục.

#### **4.12.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.13. Học phần: Lý luận dạy học hiện đại/Modern teaching theories. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.13.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về lý luận dạy học, các lý thuyết về dạy học hiện đại, lý luận về chương trình đào tạo và đặc điểm, mục tiêu, nội dung, hệ thống các phương pháp dạy học hiện đại.

#### **4.13.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên có kiến thức cơ bản về lý luận dạy học, hiểu biết các lý thuyết về dạy học hiện đại; hiểu biết đặc điểm của dạy học hiện đại và hệ thống các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học hiện đại và vận dụng được các quan điểm, nguyên tắc, phương pháp, biện pháp, kỹ thuật và phương tiện dạy học trong thực tiễn giảng dạy.

#### **4.13.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên có khả năng vận dụng các hình thức, phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại vào thực tiễn dạy học, có khả năng nghiên cứu trong việc tiếp cận những xu hướng đổi mới dạy học và vận dụng vào thực tiễn dạy học và giáo dục ở các cơ sở giáo dục.

#### **4.13.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.13.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2015), *Lý luận dạy học hiện đại – cơ sở đổi mới, nội dung và phương pháp dạy học*, NXB ĐHSP.

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Hữu Châu (2005), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại - Lý luận, biện pháp, kỹ thuật*, Nxb Đại học quốc gia. Hà Nội.

#### **4.13.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.14. Học phần: Lãnh đạo và quản lý nhà trường/Leadership and Management in schools. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.14.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu những vấn đề về quản lý nhà trường, lãnh đạo nhà trường, chức năng và vai trò của quản lý, hoạt động lãnh đạo và nhà lãnh đạo, các công tác làm

việc của hiệu trưởng, công tác quản lý và lãnh đạo của hiệu trưởng nhà trường, các nguyên tắc làm việc của hiệu trưởng, công tác quản lý và lãnh đạo của hiệu trưởng nhà trường, đồng thời người học nắm được cách đánh giá nhà trường hiệu quả.

#### **4.14.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Kết thúc học phần, học viên phân tích được những vấn đề về quản lý nhà trường, lãnh đạo nhà trường, chức năng và vai trò của quản lý, hoạt động lãnh đạo và nhà lãnh đạo, các công tác làm việc của hiệu trưởng, công tác quản lý và lãnh đạo của hiệu trưởng nhà trường, các nguyên tắc làm việc của hiệu trưởng, công tác quản lý và lãnh đạo của hiệu trưởng nhà trường, đồng thời người học nắm được cách đánh giá nhà trường hiệu quả

#### **4.14.3. Năng lực cần đạt được**

Hình thành năng lực tư duy và năng lực vận dụng vào thực tế ở địa phương và nhà trường nơi quản lý.

#### **4.14.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.14.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\* Học liệu bắt buộc**

1. Trần Kiểm (2017), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả*, NXB Đại học sư phạm.

##### **\* Học liệu tham khảo**

2. Nguyễn Thanh Bình (2017), *Giáo trình chuyên đề Giáo dục kỹ năng sống*, Nxb Đại học sư phạm.

3. Bùi Minh Hiền- Nguyễn Vũ Bích Hiền (Đồng chủ biên) (2019), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm.

4. Nguyễn Vũ Bích Hiền (Chủ biên) (2019), *Cẩm nang quản lý và lãnh đạo nhà trường phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm.

#### **4.14.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

### **4.15. Học phần: Chính sách và kế hoạch phát triển giáo dục/Policy and Development plan of Education. 2TC (18; 24; 0)**

#### **4.15.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Những cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của chính sách trong quản lý giáo dục. Những quan điểm - mục tiêu - nội dung - giải pháp của chính giáo dục của Đảng, Nhà nước. Cơ sở lý luận và các phương pháp xây dựng kế hoạch trong giáo dục...

#### **4.15.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên hiểu biết cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của chính sách trong quản lý giáo dục; Những quan điểm - mục tiêu - nội dung - giải pháp của chính sách giáo dục của Đảng, Nhà nước. Cơ sở lý luận và các phương pháp xây dựng chính sách và kế hoạch trong giáo dục...

#### **4.15.3. Năng lực cần đạt được**

Có khả năng xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển giáo dục ở một đơn vị giáo dục.

#### **4.15.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 27tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 36 tiết

+ Tự học: 120 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.15.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Nguyễn Lộc (2010) *Cơ sở lý luận xây dựng chiến lược trong giáo dục*. Nxb GD, Hà Nội

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Phạm Thành Nghị, *Quản lý chiến lược, kế hoạch trong các trường đại học và cao đẳng*, Nxb đại học quốc gia Hà Nội, 2001

4. Trần Khánh Đức, *GD và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB GDVN, 2010

#### **4.15.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.16. Học phần: Quản lý nguồn lực trong giáo dục/ Resource Management in Education. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.16.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về quản lý nguồn lực trong giáo dục, bao gồm: Quản lý nguồn nhân lực, quản lý nguồn tài lực và vật lực trong giáo dục. Trên cơ sở lý luận, học viên vận dụng nhằm quản lý có hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

##### **4.16.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên biết và phân tích được những vấn đề lý luận về nguồn lực và quản lý các nguồn lực cơ bản trong giáo dục: Các khái niệm về nguồn nhân lực, vật lực, tài lực; Quản lý các nguồn lực trong GD; Các nội dung, nguyên tắc quản lý các nguồn lực trong GD; Nội dung, phương pháp quản lý nguồn nhân lực; Tự chủ tài chính trường học

##### **4.16.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên có khả năng phân tích, đánh giá kỹ năng quản lý nguồn nhân lực, vật lực và tài lực trong các cơ sở giáo dục hiện nay. Có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý các nguồn lực trong giáo dục. Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục và đề xuất những sáng kiến có giá trị;

##### **4.16.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.



#### **4.16.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Trần Khánh Đức (2009), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ 21*, NXB giáo dục Việt Nam

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Đoàn Văn Khải (2005) *Nguồn lực con người trong quá trình công nghiệp hoá*, HĐH ở Việt Nam, NXB. Lý luận chính trị

#### **4.16.6. Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

### **4.17. Học phần: Đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục/Evaluation and accreditation of education quality. 2TC (18; 24; 0)**

#### **4.17.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: các vấn đề cơ bản của chất lượng giáo dục; quản lý chất lượng giáo dục đào tạo; quy trình và mô hình quản lý

chất lượng; Đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, các quan điểm tiếp cận đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục trên thế giới, các phương thức đánh giá chất lượng giáo dục đào tạo.

#### **4.17.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phân tích được những vấn đề cơ bản về các khái niệm chất lượng và nhận diện được cơ sở đào tạo có chất lượng. Mô tả được quy trình quản lý chất lượng và so sánh với thực tiễn quản lý ở một số cơ sở giáo dục đào tạo để chỉ ra cái chưa phù hợp so với quan điểm quản lý chất lượng. Phân tích được cơ sở lý thuyết về kiểm định và đánh giá chất lượng quá trình đào tạo.

#### **4.17.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên có kỹ năng về kỹ thuật về quản lý và đánh giá kiểm định chất lượng trong giáo dục đào tạo.

#### **4.17.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.17.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\* Giáo trình chính**

1. Nguyễn Xuân Thanh (2019), *Giáo trình kiểm tra và thanh tra giáo dục*, NXB Đại học sư phạm

##### **\* Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Đức Chính (Chủ biên) (2002), *Kiểm định chất lượng giáo dục đại học*, Nxb ĐHQG HN.

3. Nguyễn Công Khanh (2016); *Giáo trình kiểm tra, đánh giá trong giáo dục*, NXB ĐHSP.

4. Nguyễn Lộc (2009), *Quản lý chất lượng trong giáo dục*, Tập giáo trình dành cho đào tạo cao học ĐH Quốc gia TP HCM, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.

#### **4.17.6. Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.18. Học phần: Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục/ Modern approaches to educational management. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.18.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản về các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục, như: tiếp cận hệ thống, tiếp cận theo mục tiêu, tiếp cận theo quá trình, tiếp cận quản lý chất lượng toàn diện...

##### **4.18.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phân tích, đánh giá được các cách tiếp cận hiện đại mang tầm quốc tế và phương pháp luận trong quản lý giáo dục, như: tiếp cận hệ thống, tiếp cận theo mục tiêu, tiếp cận theo quá trình, tiếp cận quản lý chất lượng toàn diện...

##### **4.18.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên vận dụng những kiến thức đã học để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý giáo dục và trong nghiên cứu lý luận giáo dục, có khả năng áp dụng các mô hình tiếp cận khác nhau vào công tác quản lý giáo dục tại đơn vị.

#### **4.18.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học
- + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
- + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
- + Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Khai thác triệt để ưu điểm của các phương pháp truyền thống và vận dụng linh hoạt một số phương pháp dạy - học tiên tiến, kết hợp với việc sử dụng có hiệu quả các phương tiện kỹ thuật và công nghệ hiện đại nhằm nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.18.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Trần Kiểm (2013), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội

##### **\*Tài Liệu tham khảo**

2. Nguyễn Thị Doan (1996), *Các học thuyết quản lý*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội

3. Trần Kiểm (2004), *Khoa học quản lý giáo dục-một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục Hà Nội

4. Trần Kiểm (2015), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường hiệu quả*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội

5. Marcel Van Assen , Gerben van Den Berg Paul Pietersma( 2011), *Những mô hình quản trị*.

#### **4.19. Học phần: Quản lý cơ sở quản lý vật chất – thiết bị giáo dục và tài chính trong giáo dục/ 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.19.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này giới thiệu những vấn đề lý luận chung nhất về tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, phương pháp tiếp cận và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục của một trường học và của cả hệ thống giáo dục.

Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý các quỹ và tài sản của Nhà nước, trong đó quan trọng nhất là ngân sách Nhà nước; Đặc điểm, chức năng của cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục, quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục.

#### **4.19.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên nắm được những kiến thức cơ bản về quản lý các quỹ và tài sản của Nhà nước, trong đó biết phân tích và sử dụng ngân sách nhà nước trong việc quản lý cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục; biết quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục tại đơn vị.

#### **4.19.3. Năng lực cần đạt được**

Có kỹ năng về quản lý, phân tích, đánh giá hiệu năng, hiệu quả của việc huy động và sử dụng các cơ sở vật chất và trang thiết bị để phát triển giáo dục; Có phương pháp huy động các nguồn lực tài chính để phát triển giáo dục.

Có kỹ năng vận dụng lý luận vào sử dụng tài chính, quản lý tài chính và cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục; đo lường, phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế giáo dục của một địa phương và của một cơ sở giáo dục.

#### **4.19.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.19.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. K.B. Everard Geoffrey Moris Ian Wilson (2010), *Quản trị hiệu quả trường học*, Công ty in – Thương mại TTXVN.

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Văn hoá – Thông tin. 3. Đào Hữu Hồ, *Xác suất thống kê*, Nxb ĐHQG

#### ***4.19.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận***

**4.20. Học phần: Môi trường giáo dục và phát triển môi trường giáo dục /Educational environment and development of education. 2TC (18; 24; 0)**

##### ***4.20.1. Tóm tắt nội dung học phần***

Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản như: Những vấn đề chung về môi trường giáo dục, các khái niệm cơ bản về môi trường giáo dục; văn hoá giáo dục; văn hoá nhà trường; môi trường văn hoá giáo dục; môi trường giáo dục và sự phát triển nhân cách; môi trường văn hoá giáo dục trong nền kinh tế thị trường; nhân cách và sự hình thành nhân cách người giáo viên; phát triển môi trường giáo dục.

##### ***4.20.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được***

Sau khi học xong học phần, học viên phân tích được môi trường văn hoá giáo dục; môi trường giáo dục và sự phát triển nhân cách; môi trường văn hoá giáo dục trong nền kinh tế thị trường và có khả năng phát triển các môi trường giáo dục.

##### ***4.20.3. Năng lực cần đạt được***

Hình thành ở người học năng lực vận dụng các quy luật tác động của môi trường văn hoá vào phát triển nhân cách học sinh và phát triển nhà trường; Biết phân tích, đánh giá thực trạng môi trường giáo dục và đề xuất những biện pháp nhằm phát triển môi trường giáo dục tại đơn vị.

##### ***4.20.4. Hình thức và phương pháp dạy học***

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

##### ***4.20.5. Danh mục tài liệu tham khảo***

**\*Giáo trình chính**

1. Phạm Hồng Quang (2005) *Môi trường giáo dục*, Nxb Giáo dục

**\*Tài liệu tham khảo**

2. Lưu Đức Hải, (2007), Cơ sở khoa học môi trường, Nxb ĐHQG Hà Nội

3. Nguyễn Đình Hòa (2007), Môi trường và phát triển bền vững, Nxb Giáo dục.

#### **4.20.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.21. Học phần: Tiếp cận tình huống trong quản lý giáo dục/ Situation approach in education management. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.21.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về tình huống trong quản lý giáo dục, phương pháp ứng xử, quy trình giải quyết tình huống và một số kỹ năng cơ bản để giải quyết tình huống trong quản lý và quản lý giáo dục.

##### **4.21.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phân tích được những kiến thức cơ bản về tình huống và cách ứng xử tình huống trong quản lý và quản lý giáo dục. Mô tả được các phương pháp, quy trình tiến hành ứng xử tình huống

##### **4.21.3. Năng lực cần đạt được**

Hình thành cho học viên khả năng vận dụng các phương pháp ứng xử tình huống, đặc biệt các bí quyết thành công, quy trình tiến hành ứng xử tình huống vào việc ứng xử tình huống trong quản lý và quản lý giáo dục có hiệu quả.

##### **4.21.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

##### **4.21.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

###### **\*Giáo trình chính**

1. Đỗ Thế Hưng, *Tình huống dạy học môn giáo dục học*, NXB ĐHSP, 2007

###### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Lưu Xuân Mới (2008), *Thuật ứng xử tình huống trong quản lý giáo dục và đào tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3. Phạm Việt Vương, *Bài tập giáo dục học*, Nxb ĐHSP, 2007

4. Dale Carnegie (2005) Nguyễn Hiến Lê (d), *Đắc nhân tâm*, Nxb Sài Gòn, 1968.

5. Quốc hội (2019) *Luật giáo dục*, Thư viện Pháp luật.

#### **4.21.6. Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.22. Học phần: Quản lý sự thay đổi trong giáo dục/Change Management in Education. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.22.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này bao gồm những nội dung cơ bản về sự thay đổi và quản lý sự thay đổi trong giáo dục; những kỹ năng quản lý sự thay đổi cần có của nhà quản lý; các nguyên tắc và quy trình quản lý sự thay đổi trong giáo dục...

##### **4.22.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phân tích được tính cần thiết của sự thay đổi và lãnh đạo, quản lý sự thay đổi trong giáo dục; làm rõ những kỹ năng quản lý sự thay đổi cần có của nhà quản lý, các nguyên tắc và quy trình quản lý sự thay đổi trong giáo dục...

##### **4.22.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên phát triển được kỹ năng nhận biết, phát hiện vấn đề, xác định và lựa chọn công việc và quy trình để lãnh đạo, quản lý sự thay đổi nhà trường trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập.

##### **4.22.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Khai thác triệt để ưu điểm của các phương pháp truyền thống và vận dụng linh hoạt một số phương pháp dạy - học tiên tiến, kết hợp với việc sử dụng có hiệu quả các phương tiện kỹ thuật và công nghệ hiện đại nhằm nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

##### **4.22.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

###### **\* Giáo trình chính**

1. R. Heller (2006), *Quản lý sự thay đổi*. Nxb Tổng hợp TP. HCM.

### **\* Tài liệu tham khảo**

2. J. Kotter (2006), *Dẫn dắt sự thay đổi*, Nxb Tổng hợp TP.HCM.

3. Trường Đại học Kinh doanh Harvard (2015), *Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp* (bộ sách “Cẩm nang kinh doanh Harvard”), Nxb Tổng hợp TP.Hồ Chí Minh (Biên dịch: Trần Thị Bích Nga-Phạm Ngọc Sáu)

#### ***4.22.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận***

**4.23. Học phần: Xây dựng, phát triển chương trình giáo dục/ The building, development and Program Management. 2TC (18; 24; 0)**

##### ***4.23.1. Tóm tắt nội dung học phần***

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản xây dựng và phát triển chương trình đào tạo như: Lịch sử xây dựng chương trình, các cách tiếp cận về xây dựng và phát triển chương trình, các nguyên tắc, quy trình xây dựng và phát triển chương trình, cách thiết kế chương trình đào tạo. Đồng thời, còn giúp học viên biết quản lý chương trình đào tạo. Đây là học phần làm nền tảng cho học viên có thể nghiên cứu, thiết kế và quản lý chương trình

##### ***4.23.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được***

Học viên phân tích được kỹ năng cơ bản, hiện đại về những nội dung cơ bản về lý luận cũng như thực tiễn của việc xây dựng, phát triển và quản lý chương trình giáo dục và đào tạo. Chương trình giúp cho học viên có cái nhìn tổng thể về quá trình đào tạo để từ đó vận dụng vào việc xây dựng, hoàn thiện và quản lý điều hành các chương trình đào tạo hiện hành theo định hướng và chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu xã hội.

##### ***4.23.3. Năng lực cần đạt được***

Hình thành năng xây dựng, phát triển chương trình và quản lý chương trình hiện hành theo định hướng và chuẩn nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu xã hội

##### ***4.23.4. Hình thức và phương pháp dạy học***

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối



đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.23.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Ngọc Long (2015), *Phát triển và quản lý chương trình giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm.

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Phan Thị Hồng Vinh, *Phát triển và quản lý chương trình dạy học*, NXB ĐHQG, 2007.

#### **4.23.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

### **4.24. Học phần: Dự báo trong giáo dục/ Educational forecast. 2TC (18; 24; 0)**

#### **4.24.1. Tóm tắt nội dung học phần**

*Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng*

- Phát biểu chính xác các khái niệm cơ bản và mô tả đúng các phương pháp dự báo được sử dụng trong dự báo phát triển giáo dục

Học phần nghiên cứu những khái niệm cơ bản về kế hoạch và phát triển kế hoạch chiến lược, kỹ năng lập kế hoạch chiến lược, quy trình phát triển kế hoạch chiến lược nội dung về dự báo trong giáo dục, công tác quy hoạch và phát triển kế hoạch chiến lược trong giáo dục.

#### **4.24.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Những kiến thức cơ bản về kế hoạch chiến lược, kỹ năng lập kế hoạch chiến lược, quy trình phát triển kế hoạch chiến lược nội dung về dự báo trong giáo dục, công tác quy hoạch và phát triển kế hoạch chiến lược trong giáo dục.

#### **4.24.3. Năng lực cần đạt được**

*Sau khi học xong học viên có kỹ năng:*

- Sử dụng một số phương pháp dự báo trong giáo dục.
- Phân tích và xây dựng quy hoạch phát triển giáo dục.
- Phân tích nội dung và quy trình lập kế hoạch chiến lược cơ sở giáo dục.
- Xây dựng kế hoạch chiến lược của cơ sở giáo dục: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị, mục tiêu chiến lược, các giải pháp chiến lược cơ bản.

#### **4.24.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học
  - + Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết
  - + Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết
  - + Tự học: 90 tiết
- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.24.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Harlod koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Weihrich, *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, 2004

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Bộ Giáo dục và đào tạo - Ngân hàng phát triển Châu Á, *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, NXB VHNT, 2013.

3. Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, *Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI*, NXB CTQG, 2002

4. K.B.Everard Geoffrey Moris Ian Wilson, *Quản trị hiệu quả trường học*, NXB TTXVN, 2010.

#### **4.24.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.25. Học phần: Quản trị hiệu quả trường học/Effective School Administration.**  
2TC (18; 24; 0)

##### **4.25.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nghiên cứu những vấn đề về quản lý con người như: Phong cách của người quản lý, động viên con người của nhà quản lý, quản lý cuộc họp, tuyển dụng, sử dụng, thẩm định, phát triển và sa thải cán bộ, quản lý xung đột, quản lý bản thân. Đồng thời học phần cũng cung cấp cho người học các vấn đề về quản lý tổ chức, quản lý sự thay đổi trong trường học.

#### **4.25.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phân tích được những lý luận cơ bản về quản lý con người, quản lý tổ chức và những vấn đề khi có sự thay đổi trong nhà trường, giúp họ chịu trách nhiệm cấp cao trong quản lý nhà trường cũng như các cơ sở giáo dục.

#### **4.25.3. Năng lực cần đạt được**

Hình thành cho người học kỹ năng quản lý trường học cũng như các cơ sở giáo dục đạt hiệu quả.

#### **4.25.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phân kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.25.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. K.B.Everard Geoffrey Moris Ian Wilson, *Quản trị hiệu quả trường học*, NXB TTXVN, 2010.

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý trường phổ thông dân tộc nội trú*, Nxb Văn hoá - thông tin.

3. Phạm Minh Hạc (2010), *Một số vấn đề giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

4. Bộ Giáo dục và đào tạo - Ngân hàng phát triển châu Á (2013), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về lãnh đạo và quản lý giáo dục trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Văn hoá- Thông tin.

#### **4.25.6. Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

## **4.26. Học phần: Xây dựng văn hoá nhà trường/ Building of School Culture**

2TC (18; 24; 0)

### **4.26.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này gồm những tri thức cơ bản về văn hóa nhà trường, những giá trị cốt lõi và cách thức lãnh đạo để phát triển văn hóa nhà trường và tầm quan trọng của việc xây dựng văn hóa nhà trường, vai trò của người lãnh đạo, người quản lý trong việc xây dựng văn hóa nhà trường.

### **4.26.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phân tích được những khái niệm cơ bản về văn hóa nhà trường, xây dựng phát triển văn hóa nhà trường, các giá trị cốt lõi của văn hóa nhà trường, nhiệm vụ của nhà quản lý trong việc phát triển văn hóa nhà trường.

### **4.26.3. Năng lực cần đạt được**

Hình thành cho học viên kỹ năng xác định giá trị cốt lõi và cách thức quản lý, lãnh đạo để xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường.

### **4.26.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần sử dụng phương pháp dạy học thuyết trình, các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên, hình thành các kỹ năng: Kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng giải quyết các vấn đề có văn hóa ở nhà quản lý giáo dục.

### **4.26.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

#### **\*Giáo trình chính**

1. Lê Thị Ngọc Thuý (2018), *Xây dựng văn hoá nhà trường phổ thông*, NXB ĐHQG

#### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Bùi Minh Hiền- Nguyễn Vũ Bích Hiền (Đồng chủ biên) (2020), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội

3. Nguyễn Mạnh Hùng (2016), *Quản lý giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

#### **4.26.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.27. Học phần: Thanh tra, kiểm tra trong quản lý giáo dục/ Inspection and examination in education management. 2TC (18; 24; 0)**

##### **4.27.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản sau đây: Những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn của công tác thanh tra, kiểm tra trong cơ quan quản lý giáo dục và nhà trường. Trên cơ sở đó giúp học viên có kiến thức, kỹ năng trong công tác thanh tra, giám sát ở cơ sở giáo dục và nhà trường nhằm thực hiện tốt công việc quản lý của mình.

##### **4.27.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phân tích, đánh giá được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác thanh tra, kiểm tra trong cơ quan giáo dục và nhà trường

##### **4.27.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên có khả năng vận dụng được những vấn đề lý luận đã được trang bị để tìm hiểu thực trạng công tác thanh tra, giám sát trong cơ quan giáo dục và nhà trường.

Hình thành kỹ năng tổ chức và thực hiện công tác thanh tra, giám sát trong cơ quan của mình. Có thái độ đúng đắn đối với công tác thanh tra, giám sát trong cơ quan giáo dục và nhà trường.

##### **4.27.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

##### **4.27.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

\* **Giáo trình chính**

1. Nguyễn Công Khanh (CB): Đào Thị Oanh, *GT Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, NXB ĐHSP, 2016

**\*Tài liệu tham khảo**

2. Ban thanh tra nhân dân, *Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra giáo dục*, 85/2006/NĐ-CP, 99/2005/NĐ-CP.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Về thanh tra toàn diện nhà trường, thanh tra hoạt động sư phạm của giáo viên*, 43/2006/TT-BGD&ĐT.

4. Vụ Pháp chế (2010), *Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật giáo dục Bộ Giáo dục đào tạo*.

**4.27.6. Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

**4.28. Học phần: Thống kê trong giáo dục/ Educatio in statistics. 2TC (18; 24; 0)**

**4.28.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về ứng dụng thống kê trong giáo dục nói chung và trong quản lý giáo dục nói riêng; Các phương pháp chọn mẫu thống kê; Xử lý các số liệu thống kê; Áp dụng thống kê trong quản lý giáo dục

**4.28.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phân tích được các lý thuyết thống kê, chọn mẫu, lập báo cáo, chẩn đoán, đánh giá chất lượng giáo dục thông qua các chỉ số thống kê. Phân tích các phương pháp và quy trình xử lý, áp dụng thống kê trong quản lý giáo dục

**4.28.3. Năng lực cần đạt được**

Hình thành kỹ năng chọn mẫu, lập báo cáo, chẩn đoán, đánh giá chất lượng giáo dục thông qua các chỉ số thống kê. Sử dụng thành thạo các phương pháp và quy trình xử lý, áp dụng thống kê trong quản lý giáo dục; Biết thiết kế các phiếu điều tra và sử dụng các phương pháp thu thập số liệu. Cài đặt và sử dụng được phần mềm SPSS trong việc thu thập, xử lý các số liệu điều tra xã hội phục vụ cho công tác chỉ đạo, dự báo và lập kế hoạch và làm luận văn tốt nghiệp.

**4.28.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương

pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên.

#### **4.28.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Dương Thiệu Tống (2001), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb ĐHQGHN, 2001.

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Đào Hữu Hồ (2001), *Xác suất thống kê*, Nxb ĐHQG, 2001

3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2011), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Tập 1,2, Nxb Hồng Đức.

#### **4.28.6 Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

### **4.29. Học phần: Quản lý dự án phát triển giáo dục/ Project management of education developmen. 2TC (18; 24; 0)**

#### **4.29.1. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý dự án; Chu kỳ đầu tư và quản lý dự án phát triển giáo dục; Các chức năng cơ bản của quản lý dự án phát triển giáo dục; Một số mô hình hiện đại trong quản lý dự án; Xác định dự án; Xây dựng kế hoạch ngân sách dự án; Phát triển nhân sự; Điều hành dự án; Giám sát dự án; Lập báo cáo và thuyết minh dự án.

#### **4.29.2. Kiến thức cốt lõi cần đạt được**

Học viên phân tích được những cách thức xây dựng dự án, lập kế hoạch, tổ chức, vận hành, giám sát quản lý dự án phát triển giáo dục.

#### **4.29.3. Năng lực cần đạt được**

Học viên có khả năng vận dụng được các kiến thức đã học vào việc phát triển các dự án giáo dục và có năng lực quản lý các dự án phát triển giáo dục trong tương lai.

#### **4.29.4. Hình thức và phương pháp dạy học**

- Hình thức tổ chức dạy học

+ Nghe giảng lý thuyết: Số tiết: 18 tiết

+ Thảo luận nhóm tại lớp: 24 tiết

+ Tự học: 90 tiết

- Phương pháp dạy học: Học phần kết hợp một cách linh hoạt hệ thống phương pháp giảng dạy truyền thống và hệ thống phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên

#### **4.29.5. Danh mục tài liệu tham khảo**

##### **\*Giáo trình chính**

1. Phan Thị Hồng Vinh, *Phát triển và quản lý chương trình dạy học*, NXB GD, 2015.

##### **\*Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Ngọc Long, *Phát triển và quản lý chương trình giáo dục*, NXB ĐHSP, 2015

3. Lan Phương, *Giáo dục tại Việt Nam xu hướng phát triển và những sự khác biệt*, NXB Thống kê, 1996

#### **4.29.6. Hình thức thi hết học phần: Thi tự luận**

### **3.30. Luận văn tốt nghiệp (thesis of master): 12 TC**

- Luận văn 12 tín chỉ, thời gian thực hiện luận văn tốt nghiệp là 6 tháng, sau khi kết thúc các học phần chung, học phần của khối kiến thức cơ sở, học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc.

- Học viên đăng ký nguyện vọng lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận văn, khoa đào tạo phối hợp với phòng đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng ra quyết định phân công người hướng dẫn.

- Nội dung, yêu cầu, quy trình làm luận văn và bảo vệ luận văn thực hiện theo quy định tại Điều 25 và 26 của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692/QĐ-ĐHHĐ ngày 10 tháng 05 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức; Quy định về thủ tục đăng ký, làm luận văn và bảo vệ luận văn thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 2147/QĐ-ĐHHĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức.

#### ***Yêu cầu cụ thể về luận văn và bảo vệ luận văn tốt nghiệp:***

- Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả,



chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào.

- Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực quản lý giáo dục. Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lý đề tài.

#### **4. Quy định về đánh giá học phần**

Trích Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 692 ngày 10/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức:

##### ***4.1. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau***

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai các quy định về đánh giá học phần trong đề cương chi tiết học phần và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung và mục tiêu học phần và đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

c) Đa dạng hoá các hình thức kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp...) phù hợp và đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu của học phần;

d) Kết hợp hình thức kiểm tra thường xuyên, với đánh giá ý thức chuyên cần học tập, tính độc lập, sáng tạo của người học và thi kết thúc học phần vào đánh giá kết quả học phần.

##### ***4.2. Quy trình đánh giá học phần***

Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là điểm tổng của điểm kiểm tra thường xuyên với điểm thi kết thúc học phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy khi có điểm học phần từ 4.0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4.0 học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn)

a) Giảng viên phụ trách học phần tổ chức kiểm tra thường xuyên (bài kiểm tra hoặc bài tập lớn hoặc tiểu luận) theo yêu cầu cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và chấm điểm chuyên cần, tinh thần, thái độ học tập, tính độc lập và sáng tạo của học viên. Sau khi kết thúc học phần, các khoa, bộ môn phụ trách chuyên ngành xét điều kiện dự thi và nộp kết quả xét điều kiện dự thi về Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học đồng thời lưu điều kiện dự thi tại khoa, bộ môn phụ trách

Đề thi kết thúc học phần do Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức ra đề hoặc dùng ngân hàng đề thi. Đề thi và đáp án có chữ ký của giảng viên ra đề và trưởng bộ môn, ký niêm phong và nộp về Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí.

b) Việc tổ chức chấm thi, lên điểm, quản lý bài thi được thực hiện theo quy định chung của nhà trường.

Điểm kiểm tra và điểm chuyên cần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Căn cứ vào số tiết học có mặt trên lớp/nhóm của học viên để giảng viên cho điểm chuyên cần:

Học viên tham gia: + 100% số tiết học của học phần đạt điểm 10;  
+ 96-99% số tiết của học phần đạt điểm 9;  
+ 92-95% số tiết của học phần đạt điểm 8;  
+ 88-91% số tiết của học phần đạt điểm 7;  
+ 84-87% số tiết của học phần đạt điểm 6;  
+ 80-83% số tiết của học phần đạt điểm 5;

c) Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KT), điểm chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo của học viên (CC) và điểm thi kết thúc học phần (ĐT) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

Điểm học phần: ĐHP = 0,3KT + 0,2CC + 0,5ĐT.

d) Các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm chuyên cần và điểm đánh giá học phần được ghi vào bảng điểm của học phần theo mẫu thống nhất do nhà trường quy định, có chữ ký của giảng viên chấm thi và giảng viên giảng dạy

e) Điểm học phần từng môn của mỗi học viên phải được ghi và lưu trong sổ điểm chung của khoá đào tạo

g) Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học có trách nhiệm bảo quản các bài thi, lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm ít nhất là 05 năm kể từ khi kết thúc khoá đào tạo; hồ sơ tài liệu khác của các kì thi, kiểm tra phải được lưu trữ lâu dài.

### **4.3. Điều kiện dự thi kết thúc học phần**

Học viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp được quy định trong đề cương chi tiết học phần.

b) Có đủ các điểm kiểm tra thường xuyên theo quy định của học phần.

c) Tham dự đầy đủ các buổi thực hành, sinh hoạt khoa học.

Học viên vắng mặt có lí do chính đáng một trong các buổi thực hành được Trưởng bộ môn xem xét bố trí buổi khác; vắng mặt có lí do chính đáng một trong các buổi sinh hoạt khoa học được Trưởng bộ môn xem xét cho nộp báo cáo khoa học thay thế.

Học viên vắng mặt có lý do chính đáng một trong các kì kiểm tra thường xuyên, kì thi kết thúc học phần được dự kì kiểm tra, thi bổ sung (trường hợp này được coi là thi lần đầu). Lịch của kì kiểm tra, thi bổ sung phải được xác định trong lịch trình giảng dạy.

Không tổ chức kiểm tra, thi ngoài các kì kiểm tra và thi nêu trong lịch trình giảng dạy và đã được công bố từ đầu khoá học.

5.4. Học phần đạt yêu cầu khi có điểm đánh giá học phần đạt từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số môn có điểm học phần dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần tương đương (nếu là học phần tự chọn) với khoá sau để cải thiện điểm. Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học. Nếu học viên học và thi lại nhưng điểm trung bình chung tất cả các học phần vẫn chưa đạt 5,5 thì học viên sẽ bị đình chỉ học tập.

5.5. Các khiếu nại về điểm chấm thi được giải quyết theo quy định trong vòng 30 ngày sau ngày công bố kết quả.

5.6. Xử lí vi phạm trong quá trình đánh giá học phần: Học viên sao chép bài tập, tiểu luận của người khác, sử dụng trái phép tài liệu sẽ bị đình chỉ thi và bị điểm không (0) cho học phần hoặc bài tập hoặc tiểu luận đó.

5.7. Đối với học phần tiếng Anh, sau khi học xong tiếng Anh 1, 2 và thi đạt yêu cầu, Nhà trường tổ chức đánh giá đầu ra tiếng Anh theo cấp độ 3/6 Khung Việt Nam cho học viên. Lệ phí thi do học viên đóng theo nguyên tắc lấy thu bù chi.

5.8. Học viên được miễn đánh giá học phần ngoại ngữ hoặc tiếng Anh và được bảo lưu điểm ngoại ngữ theo quy định, khi có đủ điều kiện về trình độ ngoại ngữ như sau:

a- Có bằng tốt nghiệp đại học tiếng Anh, Đức, Pháp, Nga, Trung, Nhật;

b- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước

ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

c- Có bằng tốt nghiệp đại học các chương trình tiên tiến mà ngôn ngữ dùng trong toàn bộ chương trình đào tạo là tiếng nước ngoài không qua phiên dịch;

d- Có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh TOEFL: 450 PBT, 133 CBT, 45 iBT; Business Preliminary (BEC); Preliminary PET; 450 TOEIC; 40 BULATS, 4.5 IELTS, chứng chỉ tiếng Anh B1 (Khung Châu Âu) và Bậc 3/6 (Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Đức, Nhật, Trung, Pháp, Nga do các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền cấp (xem thêm Phụ lục I) hoặc do các cơ sở đào tạo ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ công nhận tương đương trình độ tiếng Anh trong thời hạn 2 năm, tính từ ngày cấp chứng chỉ cho đến ngày nộp luận văn đề nghị bảo vệ;

e- Trình độ năng lực tiếng Anh đạt được ở mức tương đương bậc 3/6 Khung Việt Nam do Nhà trường tổ chức đánh giá, điểm đạt từ 50 điểm trở lên, điểm mỗi phần thi (nghe; nói và đọc viết) không dưới 30% thì được cấp chứng chỉ tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra.

## **5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu**

- Phòng học đa năng: Cần trang bị một phòng học đa năng để có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác.

- Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...

## **6. Hướng dẫn thực hiện Chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục xây dựng theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quyết định số 692 /QĐ-ĐHHD ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức; trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo của các trường trong và ngoài nước nhằm cập nhật thông tin tri thức mới đáp ứng nhu cầu của thực tế xã hội.

Chương trình đào tạo chuyên ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo chuyên ngành, Trưởng các khoa, các bộ môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi

tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của Trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể nhà trường, của địa phương, đáp ứng được nhu cầu của người học và của toàn xã hội.

Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế (nếu có); các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trường các phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết phục vụ công tác đào tạo.

Đối với các học phần tự chọn, trường Đại học Hồng Đức áp dụng hệ thống tự chọn có hướng dẫn.

Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa, Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, làm văn bản trình lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường xem xét. Nếu thấy hợp lý Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ được điều chỉnh khi có Quyết định của Hiệu trưởng./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Lê Hoàng Bá Huyền**